TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2024/HNGĐ -ST Ngày 23-07-2024 V/v ly hôn, nuôi con chung.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Phạm Hữu Luyện

***Các Hội thẩm nhân dân*:** 1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Ông Đỗ Văn Ngôn

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A, đường L, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Ngô Đình T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn vào ngày 25/10/2007 trước khi cưới hai vợ chồng có thời gian yêu nhau, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là phường Q). Sau khi cưới vợ chồng chị sinh sống tại Hải Phòng, thời gian đầu vợ chồng tôi chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 12 năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống hàng ngày cũng như việc làm ăn phát triển kinh tế, chị và gia đình đã khuyên bảo anh T rất nhiều lần nhưng không có kết quả. Nhiều lần vợ

chồng to tiếng về việc làm ăn của anh T, bản thân anh T không quan tâm chăm sóc gì đến vợ con, chị phải một mình nuôi dậy con cái. Đến tháng 9 năm 2021 thì anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phường Q, thị xã V sinh sống, thi thoảng chị có cho các con về chơi với ông bà nội nhiều lần có gặp anh T nhưng anh T vẫn không thay đổi tính cách. Anh T vẫn thường xuyên liên lạc với con qua Zalo nhưng cũng không trực tiếp về để phụ chị chăm sóc con cái. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Ngô Đình Minh T1, sinh ngày 29/12/2008 và Ngô Minh A, sinh ngày 31/10/2013 cả hai cháu hiện đang ở cùng chị các cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường, sau ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 2 con chung vì từ nhỏ các cháu đã sống cùng chị, bản thân anh T do đặc trưng công việc thường xuyên vắng nhà nên chủ yếu là chị lo lắng chăm sóc cho các cháu. Hiện cả hai cháu đều đang học tập ở Hải Phòng cả hai cháu đều chăm ngoan, thành tích học tập tốt.

Về điều kiện chăm sóc con cái, chị là giáo viên cấp 3 nên có nhiều thời gian chăm sóc cho các cháu cũng có khả năng dậy bảo các cháu học tập, về thu nhập hàng tháng tiền lương là 8.500.000 đồng, ngoài ra chị còn có kinh doanh nhỏ ở nhà tổng thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng. Chị có nhà riêng và phương tiện đi lại do đó chị nhận thấy mình đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dậy cả 2 con chung nên đề nghị được tiếp tục nuôi cả 2 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho tôi.

Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác chung: chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Ngô Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Đình Minh T1, sinh ngày 29/12/2008 và Ngô Minh A, sinh ngày 31/10/2013 cho chị Nguyễn Thị K chăm sóc nuôi dưỡng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên nhận định:

[1] Về Tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Nguyễn Thị K và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình "*xin ly hôn, nuôi con chung*".

Bị đơn anh Ngô Đình T có địa chỉ tại TDP Đ, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã nhiều lần về tại gia đình anh Ngô Đình T làm việc, Thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa á cho anh T, nhưng anh T không cung cấp Bản tự khai, đến Tòa án làm việc do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh Ngô Đình T; Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Ngô Đình T kết hôn vào ngày 25/10/2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Qúa trình sinh sống ban đầu, hai vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn và hạnh phúc nhưng đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong công việc làm ăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi, vợ chồng đã ly thân từ tháng 9 năm 2021, anh T về gia đình bố mẹ đẻ ở TDP Đ, phường Q sinh sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau.

Do vậy Tòa án thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần cho chị K được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị K, anh T có hai con chung là Ngô Đình Minh T1, sinh ngày 29/12/2008 và Ngô Minh A, sinh ngày 31/10/2013 cả hai con chung hiện đang ở cùng chị K, sau ly hôn chị K có nguyện vọng nuôi cả hai con và có đủ điều kiện nuôi hai con, hai cháu đều có nguyện vọng ở với chị K. Hội đồng xét xử thấy rằng hai cháu Minh T1 và Minh A ở cùng chị K từ nhỏ học tập và sinh hoạt tại thành phố Hải Phòng được phát triển, học tập bình thường, do vậy để ổn

định tâm lý tránh sự xáo trộn không cần thiết cho các cháu nên cần giao hai con chung cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác chung: Chị K, anh T không yêu cầu nên Tòa án không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/21016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Ngô Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Đình Minh T1, sinh ngày 29/12/2008 và Ngô Minh A, sinh ngày 31/10/2013 cho chị Nguyễn Thị K chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003395, ngày 18/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên.

4. Về quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Việt Yên;
- UBND phường Quang Châu.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện